TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 7 - VĨNH LONG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/DS-ST
Ngày: 27/8/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Lan Chi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2025/TLST–DS ngày 26 tháng 12 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: A, khu phố E (nay là khu phố D), phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Bà Cao Thị Hoàng H, sinh năm: 1994; Địa chỉ: B, khu phố C (nay là khu phố M), phường B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Huỳnh Lê Tuấn K, sinh năm: 2003; Địa chỉ: 5, khu phố C, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng địa chỉ liên hệ: 314C, đường số A, khu dân cư B, khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thanh L, Luật sư- Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ B, sinh năm: 1979; Địa chỉ: B, ấp P (nay là ấp P), xã C, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông La Hoàng D, sinh năm: 1978; Địa chỉ: B, ấp P (nay là ấp P), xã C, tỉnh Vĩnh Long

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Lê Tuấn K có mặt, bà Cao Thị Hoàng H vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/12/2025 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2026 của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Cao Thị Hoàng H và ông Huỳnh Lê Tuấn K trình bày:

Do có mối quan hệ gia đình với nhau: bà Nguyễn Thị Mỹ B là chị chồng của bà Trần Thị Bích T, bà B có hỏi vay tiền của bà T về để làm ăn, bà B cho rằng mục đích vay tiền để mua bán dừa làm ăn, sửa chữa nhà ở và xây dựng hàng rào xung quanh nhà, phát triển kinh tế gia đình và được bà T đồng ý. Trong thời gian đầu năm 2025, bà T cho bà B vay số tiền cụ thể như sau:

* Khoản vay thứ nhất:

+ Ngày 15/01/2025: giao số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

+ Ngày 25/01/2025: giao số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);

+ Ngày 30/01/2025: giao số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bà T đã giao cho bà B là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Các lần vay trên không có ghi giấy tờ. Hai bên chỉ thoả thuận miệng với nhau về việc đóng lãi hàng tháng với mức lãi suất 2%/tháng tính trên số tiền vay gốc.

* Khoản vay thứ hai:

Ngày 25/02/2025, bà B tiếp tục vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để sửa chữa nhà ở và xây dựng hàng rào xung quanh nhà. Sau khi nhận tiền, bà B đã lập giấy vay tiền và ký tên xác nhận khoản nợ nêu trên. Bà B ghi luôn giấy nợ vay của các lần vay trước tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), đồng thời ghi nhận thời hạn vay là "trong vòng 12 tháng trả gốc".

Đối với khoản vay thứ hai, các bên cũng có thỏa thuận miệng về việc đóng lãi hàng tháng với mức lãi suất 2%/tháng. Đồng thời, trường hợp bà T có nhu cầu lấy lại tiền thì sẽ báo trước cho bà B thời gian 01 tháng để bà B thu xếp thanh toán.

Như vậy, tổng số tiền bà B đã vay của bà T là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 2%/tháng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay tiền cho đến nay, bà B không thanh toán tiền gốc và cũng không thực hiện việc đóng lãi theo thỏa thuận giữa các bên mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu.

Ngoài các khoản vay tiền nêu trên, trước đây bà T còn tham gia dây hụi do bà B làm chủ hụi. Trong quá trình tham gia hụi, bà B còn nợ lại của bà T số tiền 5.400.000 đồng. Do tin tưởng nhau nên việc tham gia hụi và số tiền hụi còn nợ chủ yếu được thỏa thuận bằng miệng, không lập giấy tờ riêng.

Do bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên nên ngày 09/12/2025, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi đối với bà Nguyễn Thị Mỹ B, bà T yêu

cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và số tiền hụi còn nợ là 5.400.000đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B có trách nhiệm trả cho bà T số tiền lãi đối với khoản vay 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/11/2025 là 09 tháng với số tiền là 140.000.000đồng x 0,83% x 09 tháng = 10.458.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tổng số tiền bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ B có trách nhiệm trả cho bà T (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất và tiền hụi) được tạm tính là 150.458.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng). Đồng thời, bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tuy nhiên, ngày 16/5/2026, bà T có yêu cầu bổ sung, sửa đổi một phần nội dung khởi kiện trước đây như sau:

- Bà T đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền hụi 5.400.000 đồng và không yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét, giải quyết đối với khoản tiền này.

- Bên cạnh đó, bà T nhận thấy các khoản tiền vay nêu trên được sử dụng để mua bán dừa làm ăn, sửa chữa nhà ở và xây dựng hàng rào xung quanh nhà. Đây đều là các khoản chi phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sinh hoạt, tài sản và hoạt động kinh tế chung của gia đình bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D. Do đó, bà T đề nghị Tòa án xác định ông La Hoàng D là người có nghĩa vụ liên quan cùng bà B phải có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh đối với các khoản vay nêu trên theo quy định pháp luật. Cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà T số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và số tiền lãi được tính đối với khoản vay 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/4/2026 là 14 tháng với số tiền là 140.000.000đồng x 0,83% x 14 tháng = 16.268.000 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tổng số tiền bà T tạm tính (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất) là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Đồng thời, bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà B và ông D trả dứt nợ cho bà T.

Chứng cứ khởi kiện của bà T: Bà T khẳng định toàn bộ chữ viết, chữ ký mang tên “B” và dòng chữ “Nguyễn Thị Mỹ B" trong hai Giấy vay tiền lập ngày 25/02/2025 đều do chính bà Nguyễn Thị Mỹ B trực tiếp viết và ký khi nhận tiền vay của bà T.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trước đây: Yêu cầu bà B và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 25/5/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ B trình bày:

Khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2023 âm lịch bà B có vay của bà T số tiền là 40 triệu đồng, không có lập giấy tờ, lãi suất hai bên thoả thuận miệng là cứ 10.000.000 đồng tiền gốc vay thì phải trả lãi mỗi ngày là 50.000 đồng. Bà đã trả lãi theo thoả thuận được 02 năm thì không có khả năng trả nữa, bà vẫn chưa trả nợ gốc của khoảng vay này.

Khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2024 âm lịch, bà có vay của bà T số tiền là 20.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, lãi suất thoả thuận miệng là cứ 10.000.000 đồng tiền gốc thì phải trả lãi 100.000 đồng/ngày (Lãi suất 30%/tháng). Ban đầu bà đã có đóng lãi cho bà T nhưng sau đó không có khả năng trả lãi nữa nên số tiền gốc và lãi cộng dồn lên đến 55.000.000 đồng và khoảng ngày 16 đến ngày 17 tháng Chạp năm 2024 âm lịch, bà T có đưa thêm cho bà 30.000.000 đồng nữa. Đến thời điểm tháng 02 năm 2025 âm lịch, số tiến gốc và lãi lên đến 102.000.000 đồng, bà T có yêu cầu bà viết giấy nợ cho bà T với số tiền bà vay mượn của bà T là 100.000.000 đồng, bà T đồng ý giảm 2.000.000 đồng so với tổng nợ. Đồng thời bà T yêu cầu bà viết giấy nợ với nội dung là bà có mượn của bà T 40.000.000 đồng đối với khoản nợ 40.000.000 đồng mà bà đã mượn của bà T từ năm 2023 âm lịch như bà đã trình bày ở trên. Từ thời điểm viết giấy nợ khoảng tháng 02 năm 2025 âm lịch cho đến nay thì bà không có trả lãi cũng như trả nợ gốc cho bà T. Cả 02 giấy nợ được viết vào thời điểm chốt nợ tháng 02/2025 là do bà viết và bà ký tên. Quá trình bà trả lãi cho bà T thì không có giấy tờ gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà đồng ý trả cho bà T số tiền mà bà T có yêu cầu cả vốn và lãi là 156.268.000 đồng nhưng xin trả dần do hiện tại hoàn cảnh khó khăn. Còn chồng bà là ông là ông La Hoàng D thì không liên quan gì đến số tiền này, ông D không biết sự việc bà đã vay mượn tiền của bà T cũng không sử dụng số tiền này vào việc sinh hoạt phục vụ chung của gia đình. Số tiền bà vay mượn của bà T phục vụ vào mục đích riêng của bà chứ không có liên quan gì đến ông D.

Đối với lời trình bày của bà T là mục đích vay tiền mua dừa làm mứt bán trong dịp Tết; xây hàng rào và sửa chữa nhà là không đúng. Số tiền vay của bà T là bà đã trình bày như trên, mục đích vay tiền nhiều lần của bà T là vì bà làm chủ hụi bị nhiều người là hụi viên giựt tiền hụi từ năm 2023 (số tiền 40.000.000 đồng là vay năm 2023) và số tiền tổng 100.000.000 đồng là vay nhiều lần để chàn hụi cho hụi viên đến tháng Giêng năm 2025 âm lịch bà bị bể hụi nên bà T mới yêu cầu bà viết cả 02 giấy nợ nói trên.

Nói tóm lại, bà đồng ý trả toàn bộ số tiền cả vốn và lãi là 156.268.000 đồng theo yêu cầu của bà T nhưng bà xin trả dần mỗi tháng từ 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng đến 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi dứt nợ. Ông La Hoàng D không có liên quan trong vụ án này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật tố tụng*:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo

quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất) là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ hụi là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 7.813.400 đồng (Bảy triệu tám trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Vĩnh Long, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông La Hoàng D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông La Hoàng D.

2. Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị Bích T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền vay (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất) được tạm tính là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo hai giấy tay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Mỹ B viết và ký tên.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của của các bên đương sự là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, chứng minh về việc bà B có vay tiền của bà T hai lần cụ thể vào ngày 25/02/2025 số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và số tiền vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Bà B cũng thừa nhận có vay tiền của bà T và thừa nhận hai giấy tay bà T cung cấp trong hồ sơ vụ án đúng là chữ viết và chữ ký của bà B, bà B cũng đồng ý còn nợ của bà T số tiền gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Căn cứ vào hai giấy tay và sự thừa nhận nợ nói trên giữa bà T và bà B là hợp đồng vay tài sản, cả hai bên đương sự đều thống nhất đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà B: Đối với giấy tay bà B ghi vay tiền của bà T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là hợp đồng vay có thời hạn là 12 tháng; Đối với giấy tay bà B ghi vay tiền của bà T số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thì đây là hợp đồng vay không có thời hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà T cho rằng rất nhiều lần bà T có yêu cầu bà B trả lại số tiền nợ gốc cho bà T nhưng bà B không thực hiện. Như vậy, bà B đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T; bà B đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên xét yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Xét về trách nhiệm liên đới: Bà T yêu cầu ông La Hoàng D có trách nhiệm liên đới cùng bà B trả cho bà T số tiền gốc là 140.000.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)*. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù trong giấy nợ chỉ thể hiện có chữ ký của bà B. Tòa án đã thông báo cho ông D biết về việc bà T có yêu cầu ông D có nghĩa vụ liên đới với bà B trả cho bà T số tiền nợ nhưng ông D không có ý kiến. Mặc khác, hiện tại ông D, bà B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, đang chung sống và cùng phát triển kinh tế gia đình. Theo lời trình bày của bà T thì việc vay tiền của bà T mục đích bà B phát triển kinh tế của gia đình. Bà B thừa nhận bà vay tiền của bà T là do bà làm chủ hụi bị nhiều người là hụi viên giựt tiền hụi từ năm 2023 (số tiền 40.000.000 đồng là vay năm 2023) và số tiền tổng 100.000.000 đồng là vay nhiều lần để chàn hụi cho hụi viên đến tháng Giêng năm 2025 âm lịch bà bị bể hụi nên bà T mới yêu cầu bà viết cả 02 giấy nợ nói trên. Việc tham gia chơi hụi của bà B cũng nhằm mục đích để sinh hoạt và phát triển kinh tế trong gia đình. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc trách nhiệm liên đới của ông D cùng với bà B trả nợ cho bà T là phù hợp.

Đối với việc vắng mặt của ông D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do. Ông D đã nhận được tất cả các tài liệu, chứng cứ mà phía bà T cung cấp nhưng ông D không có trình bày thể hiện ý kiến của ông D. Như vậy, ông D đã đương nhiên từ bỏ quyền lợi trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của ông D được, vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Đối với ý kiến trình bày của bà B cho rằng bà vay tiền của bà T nhằm mục đích cá nhân của bà, ông D không biết. Vì vậy, trách nhiệm trả nợ cho bà T chỉ là trách nhiệm riêng của cá nhân bà B, ông D không có liên quan. Xét lời trình bày của bà B không có cơ sở chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà B.

Về lãi suất: Hai bên đương sự thống nhất với nhau về việc tính lãi, số tiền tạm tính đến ngày Toà án xét xử vụ án là 16.268.000đ (Mười sáu triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng), không có yêu cầu tính lãi lại. Hội đồng xét xử xét thấy

đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng đến 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng cho đến khi dứt nợ của bà B bà cho rằng vì hoàn cảnh khó khăn là không phù hợp với quy định của pháp luật, phía nguyên đơn cũng không đồng ý. Do đó, không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà B.

Đối với phần tiền hụi phía bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện hụi là 5.400.000 đồng và không yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét, giải quyết đối với khoản tiền này, xét thấy đây cũng là sự tự nguyện của bà T nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này của bà T là phù hợp.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích T về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất) là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 156.268.000 đồng x 5% = 7.813.400 đồng.

Bà Trần Thị Bích T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Bích T về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất) là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ (bao gồm tiền vay gốc, lãi suất) là 156.268.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ hụi là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông La Hoàng D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 7.813.400 đồng (Bảy triệu tám trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng).

Bà Trần Thị Bích T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.897.395đ *(Ba triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng)* theo biên lai thu số 0012515 ngày 19/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Quyền kháng cáo bản án: Đối với nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dânkhu vực 7-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thế Trang Đền